

... tính cách liên lạc và của giá thú: giá thú không phải chỉ một khi các quy định nhng nghĩa vụ và quy định, nhng tiên vàn là một sự trao ban và chấp nhận hoàn toàn, giữa một người nam và một người nữ: sự trao ban này có tính cách dứt khoát và vĩnh viễn

I. Lý do của phe chủ trương tách rời khi các khi bí tích

II. Những lý do của phe chủ trương không thể tách rời

III. Hậu quả thực tế

Kính thưa quý vị và các bạn,



Trong bài trước, chúng tôi đã cùng nêu bật những vấn đề của hôn nhân của công đồng Vaticano II đối với bộ giáo luật 1983. Một đặc tính của quan điểm này là tính cách liên lạc và của giá thú: giá thú không phải chỉ một khi các quy định nhng nghĩa vụ và quy định, nhng tiên vàn là một sự trao ban và chấp nhận hoàn toàn, giữa một người nam và một người nữ: sự trao ban này có tính cách dứt khoát và vĩnh viễn. Chính tình yêu trao hiến này mà nảy ra sự sống mới mẻ là hoa trái của nó. Cho đến đây, chúng ta vẫn còn tiếp tục tiếp nhiên, nghĩa là xét hôn nhân theo khuôn khổ của Đấng Tạo Hóa.

Đối với các Kitô hữu, hôn nhân còn mang một đặc tính khác nữa: nó là một bí tích, do vậy của một tình trao hiến giữa một Kitô hữu và Hội thánh. Điều 48 của hiến chương “Vui mừng và Hy vọng” công đồng Vatican II viết rằng: “Đức Kitô đến gặp gỡ các đôi bạn Kitô hữu qua bí tích hôn nhân. Người nam và người nữ hiệp nhất, qua sự trao ban cho nhau, họ có thể yêu nhau chung thủy suốt đời. Người nam đã yêu Hội thánh và trao hiến mình cho người nữ bạn của mình. Tình yêu chân chính giữa họ đã được thu hút vào trong tình yêu của Chúa, và được dẫn dắt cùng tăng trưởng như sự cộng hành của chu kỳ của đức Kitô và như hành động của người nam và Hội thánh; như vậy họ được dẫn dắt cách hiệp nhất cùng Thiên Chúa và được giúp đỡ cùng trở lại trong thiên chức làm cha mẹ”. Công đồng nói thêm rằng bí tích là nguồn thánh hóa cho đôi bạn, và nói được như là hiến thánh họ vào nhng nghĩa vụ và phẩm giá của hôn nhân; như bí tích, toàn thể đời sống của họ được thấm nhuần tinh thần đức Kitô, ngõ hầu họ tiến tới sự trở nên lành thánh thiện.

Tuy nhiên, tiếp sau công đồng Vaticano II, một cuộc tranh luận được nêu lên chung quanh vấn đề bí tích của hôn nhân giữa các Kitô hữu. Dilemma chính thức của Giáo hội cho rằng khi hai người Kitô hữu kết hôn với nhau, thì hôn nhân của họ đương nhiên là bí tích: không thể nào tách rời

hôn nhân tự nhiên và hôn nhân siêu nhiên được. Dĩ nhiên đối với lý này đã có một truy vấn thời gian lâu đời cũng như dựa trên luận chứng vững chắc của thần học. Thế nhưng, khi làm việc một cách cẩn trọng, linh mục nhận thấy rằng nhiều người Kitô hữu chứng còn đặt tin gì nữa, và do đó họ chứng mục n lãnh nhận bí tích hôn nhân như chứng mục n kết hôn như thói quen của bao nhiêu con người khác. Vấn đề được đặt ra như thế này: khi chứng Kitô hữu chứng mục n kết hợp giá thú tự nhiên chứng không chứng n lãnh nhận bí tích, thì giá thú của họ có thành sự không? Các bậc giáo luật cũ (đ.1012 §2) và các bậc giáo luật 1983 (đ.1055 §2) đều trả lời rằng giá thú tự nhiên vô hiệu: “Giả như chứng người đã chứng phép rửa tội, không thể có khối lượng hôn phối hữu hiệu nếu chứng người không phải là bí tích” (inter baptizatos nequi matrimonialis contractus validus consistere, quin sit eo ipso sacramentum).

Tuy vậy, trên cơ sở của Giáo hội đã đặt khoát như vậy, chứng thần học và tín lý đào sâu thêm vấn đề, xét vì chứng hữu quí thần học, pháp lý và mục đích của nó. Đành rằng đám cưới i thu nhận tủy dân sự của chứng Kitô hữu bậc giáo luật coi là vô hiệu bởi vì không tuân giữ thể thức giáo luật (forma canonica); chứng Giáo hội không thể đòi hỏi và chứng chứng p và chứng đó như chứng đôi ngời tình công khai, ăn ở chung với nhau mà không có phép cưới! Vấn đề trở nên gai góc hơn đối với khía cạnh thần học: giả như một người Kitô hữu xin cử hành hôn nhân theo phép cưới (thí dụ vì chứng làm vui lòng gia đình, vì họ a theo phong tục) chứng mà chứng có tin tưởng gì hết, thì hôn nhân đó có phải là bí tích hay không?

Vì chứng lý do này, một số tác giả đã đòi xét lại sự gắn kết giữa khối lượng và bí tích hôn nhân: không thể coi bất cứ khối lượng hôn phối nào của người Kitô hữu cũng đương nhiên là bí tích; chứng phải có tín lý thì mới là đặt tin vào bí tích. Chúng ta hãy theo dõi chứng lý chứng của hai phe.

I. Lý chứng của phe chứng trọng tách rời khối lượng khỏi bí tích

Hãy dựa trên lý chứng thần học và lý chứng lịch sử.

A- Xét về thần học, dĩ nhiên tín lý thì mới đặt lãnh nhận bí tích là phải chứng n lãnh nhận nó. Nếu ai không tin và không chứng n lãnh bí tích (thậm chí họ đã minh chứng gọt bỏ bí tích) thì tại sao áp đặt người ta làm gì? Cách riêng về bí tích hôn nhân, tác viên của bí tích chính là đôi bên: họ biếu hiếu của sự trao hiến giữa họ và Kitô và Giáo hội. Thế thì nếu mà chính họ không tin thì làm sao họ có thể làm tác viên được?

B- Xét về lịch sử, thì vấn đề gắn liền giữa khối lượng và bí tích không phải là một chân lý đặt tin, chứng là một biến pháp của Giáo hội để đáp lại chứng học thuyết tại Âu châu họ i cuối thế kỷ XIX chứng tách rời hôn nhân khỏi sự kiểm soát của giáo quyền.

II. Chứng lý chứng của phe chứng không thể tách rời

Phe này dựa trên trọng tâm khách quan của bí tích hôn nhân là tâm tình nối kết của người lãnh nhận bí tích. Theo họ, tính cách bí tích của hôn nhân gắn kết với bí tích rửa tội: khi lãnh bí tích rửa tội, con người đã lãnh nhận tích, nghĩa là đã được in dấu của Chúa Kitô: dấu này không thể nào xóa nhòa, và không tùy thuộc vào lòng tin chứng quan của con người. Do đó, đối với người Kitô hữu,

không thể nào có hôn phối “tự nhiên” được nữa, xét vì những gì là tự nhiên nếu thì đã được đem vào lãnh vực của rị rị. Khả năng biểu hiện tình yêu của đức Kitô đối với Giáo hội không tùy thuộc vào lòng tin hay ý muốn của người tín hữu những năm trong bản chất của hôn nhân theo ý định của chính đức Kitô. Người tín hữu cần được huấn giáo để hiểu biết giá trị đó và chấp nhận trong đức tin.

Khi nói ai cũng hiểu, chấp nhận này đi sát với lập trường chính-thức của Giáo hội, được biểu lộ qua bản giáo luật cũng như trong các văn kiện của Tòa thánh, thí dụ tông huấn “Đời sống gia đình” của đức Gioan Phaolô II. Thêm vào đó, ta có thể kể văn kiện của Ủy ban thần học quốc tế năm 1977 do i t a đ “Vài vấn đề đạo lý của hôn nhân Kitô giáo” (Problèmes doctrinaux du mariage chrétien). Ngoài luận của d a trên tr t t khách quan của bí tích do đức Kitô n đ nh ch không tùy thuộc vào ý muốn người lãnh nhận, văn kiện còn phân biệt giữa ý định (intention) và lòng tin (foi personnelle) khi lãnh bí tích: a/ để u ki n c n thi t đ lãnh bí tích là ý định muốn làm để u mà Chúa và Giáo hội muốn. Lòng tin của người lãnh bí tích không có chi phối s h u hi u c a bí tích những ch nh h u ng t i h u qu thiêng liêng do bí tích phát sinh. Tuy nhiên văn kiện cũng nhìn nhận rằng lòng tin có thể chi phối ý định; tức rằng, các tác giả không chú ý đi sâu hơn đến giới thích mối liên hệ đó (s 2 và 3).

Tông huấn “Đời sống gia đình” cũng g ng dung hòa hai lãnh vực. Một đàng trên lãnh vực đạo lý, văn kiện này bỏ qua tr t t khách thể của k ho ch c u r i; tính cách bí tích được g n li n v i hôn nhân của các Kitô hữu là do ý định của Thiên Chúa chứ không tùy thuộc ý muốn của h . (s 13). Để u ki n t i thi u đòi hỏi nếu là chấp nhận để u mà Giáo hội đã n đ nh khi c hành hôn phối. Một khác, trên lãnh vực m c v , n u chính người Kitô hữu không c t không chấp nhận h c thuy t c a Giáo hội v bí tích hôn nhân, thì các m c t không được c hành nghi l hôn nhân cho h (s 68). Đức Gioan Phaolô II nhận m nh r ng không phải là Giáo hội không c t vì c c hành bí tích những là chính h đã không c t . Đức Thánh Cha cũng l u ý các m c t trong vi c th m đ nh c p đ lòng tin của những người xin lãnh bí tích: đây là một công cụ n r t t nh và đ r i vào quy t đ nh ch quan. Có l vì th mà Ngài muốn đ a vào tiêu chuẩn rõ r t h n, nghĩa là ý định (ch ý: recta intentio) làm theo k ho ch c a Chúa.

Hu qu th c t

Trên đây là những nguyên tắc thần học và thần quan giữa các hôn phối của các Kitô hữu và bí tích. Để kết thúc, chúng ta hãy xét vài hậu quả thực tế.

1) Giữa một đôi hôn nhân không khan người như những xin c hành l nghi hôn phối ở nhà thờ, thì hôn phối vẫn h u hi u. Dĩ nhiên, bản phận của các m c t là phải c g ng chu n b tâm h n h qua vi c hu n giáo.

2) Giữa một đôi hôn nhân minh th lo i tr tính cách bí tích của hôn nhân (h ch mu n c i h i nh hôn phối tự nhiên), thì một số tác giả nghĩ rằng hôn nhân có thể vô hiệu dựa theo đ.1099 và 1101 §2, bởi vì đối với hôn nhân Kitô giáo, việc lo i b tính cách bí tích cũng phát sinh hậu quả gì ng nh vi c lo i b tính cách đ ng nh t và b t kh ly c a hôn nhân.

3) Giá thú thuộc tủy dân số của các Kitô hữu, tuy rằng vô hiệu xét theo giáo luật vì thi u th th c pháp định, những không thể bỏ đ ng hóa với các cặp trai gái sống chung không có giá thú

(xem: Tông huấn “Đời sống gia đình” số 82). Có những vấn đề mà các vị đức cđt ra cho những đôi vợ chồng này mà Đức Gioan Phaolô II đã nêu lên. Những xét điểm khía cạnh thần học và pháp lý, có tác giả đã đề xuất những như sau: bộ giáo luật hiện hành đã dđ trừu tượng hđp mà những công giáo không còn buộc phải giữ theo pháp đđnh khi kết hôn nđ a, đó là trừu tượng hđp những đđ đã công khai bđ đđ o (đ.1117); theo những tuy đđng sđ tuyên bố bđ đđ o những đđ tính rđ a thì vẫn còn; theo thì phải coi hôn phối dân sđ cđ a hđ là hđ u hiđ u và là bí tích chđ ?

4) Công đđng Vaticano II đã chú trọng tới khía cạnh thánh hóa và thánh hiđ n cđ a Bí tích hôn nhân; đđ u này đđ c bộ giáo luật đđ p đđ i đ.1134 cđ a giáo luật. Tuy nhiên xem ra nhà đđp pháp chú trọng cách riêng đđ n mđ t hđ u quđ cđ a bí tích, tđ c là tính cách bđ t khđ ly (đ.1056); theo vđ y, Giáo hđ i đđ dđ trừu những đđng hđp chđ c chuđ n hôn nhân khi nó chđ a phải là bí tích (nhđng đđng hđp đđ c ân đđ c tin).

Luôn từ n cũng nên biđ t là nhiđ u khó khăn trong cuộc tranh luận về bí tích hôn phối xđ y ra trong thần học latinh. Thần học Latinh quan niđ m đđng trong bí tích hôn phối chính đôi bđ n vđ a là tác viên (chđ sđ) vđ a là theo viên (ngđ đđ i lãnh nhđ n); chính trong lúc trao đđ i sđ thđ a thuđ n hôn nhân, thì đôi bđ n kitô hđ u cũng theo hiđ n bí tích hôn phối. Quan đđm cđ a thần học cđ a Đông phương thì khác: vđ chđ sđ bí tích hôn phối là linh mđ c. Linh mđ c đđ c đđ i cđ u khđ n xin Chúa Thánh Thần chúc lành thánh hóa tình yêu cđ a đôi bđ n. Theo quan đđm này, sđ trao đđ i đđng thuđ n giđ a đôi bđ n chđ là chđ t theo cđ a bí tích; còn đđ i cđ u cđ a linh mđ c mđ i là mô theo cđ a bí tích. Sđ khác biđ t giđ a hai truyền thống đđ đđ c ghi đđ i trong Sách Giáo Lý Hđ i thánh công giáo số 1623.